**TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN CỪ**

**NỘI DUNG BÀI HỌC SINH HỌC 7- HKII**

Bài 39: CẤU TẠO TRONG CỦA THẰN LẰN

**(Học sinh tự đọc)**

**1. Bộ xương:**

Bộ xương gồm:

- Xương đầu

- Cột sống có các xương sườn (tạo thành lồng ngực )

- Các xương chi.

- Các xương đai

- Đốt sống cổ.

**2. Các cơ quan dinh dưỡng:**

***a. Tiêu hóa****:*

 Ống tiêu hóa phân hóa, ruột già chứa phân đặc, có khả năng hấp thụ lại nước.

***b. Hệ tuần hoàn****:*

Tim 3 ngăn, tâm thất có vách ngăn hụt. 2 vòng tuần hoàn, máu đi nuôi cơ thể là máu pha (ít hơn)

***c.*** ***Hô hấp****:*

Hô hấp bằng phổi, Phổi có nhiều vách ngăn.

***d. Bài tiết:***

Thận sau có khả năng hấp thụ lại nước, nước tiểu đặc.

**3. Thần kinh và giác quan:**

 Bộ não gồm 5 phần, có não trước và tiểu não phát triển

**LỚP CHIM**

**BÀI 41: CHIM BỒ CÂU**

**(Học sinh tự đọc)**

**I. Đời sống**

- Đời sống:

+ Sống trên cây, bay giỏi

+ Có tập tính làm tổ

+ Là đv hằng nhiệt

- Sinh sản:

+ Thụ tinh trong

+ Trứng có nhiều noãn hoàng, có vỏ đá vôi bao bọc

+ Có hiện tượng ấp trứng, nuôi con bằng sữa diều

**II. Cấu tạo ngoài và di chuyển**

**1. Cấu tạo ngoài**

- Thân : hình thoi giúp giảm sức cản không khí khi bay . Da khô phủ lông vũ

- Chi trước : biến thành cánh giúp quạt gió (động lực của sự bay ) , cản không khí khi hạ cánh .

- Chi sau : có 3 ngón trước , 1 ngón sau giúp chim bám chặt vào cành cây và khi hạ cánh .

- Lông ống : có các sợi lông làm thành phiến mỏng làm cho cánh chim khi Giảng ra tạo nên 1 diện tích rộng .

- Lông tơ : có các sợi lông mảnh làm thành chùm lông xốp giúp giữ nhiệt và làm cơ thể nhẹ .

- Mỏ sừng : bao lấy hàm không có răng làm đầu chim nhẹ .

- Cổ : dài , khớp đầu với thân giúp phát huy tác dụng của giác quan , bắt mồi , rỉa lông .

**2. Di chuyển**

Chim có 2 kiểu bay : bay vỗ cánh và bay lượn .

- Bay vỗ cánh : đập cánh liên tục , sự bay chủ yếu dựa vào sự vỗ cánh .

- Bay lượn : cánh đập chậm rãi và không liên tục , nhiều lúc cánh Giảng rộng mà không đập . Sự bay chủ yếu dựa vào sự nâng đỡ của không khí và sự thay đổi của luồng gió .

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Trình bày đặc điểm sinh sàn của chim bồ câu?
2. So sánh kiểu bay vỗ cánh và kiểu bay lượn

**BÀI 43 : CẤU TẠO TRONG CỦA CHIM BỒ CÂU**

**(Học sinh tự đọc)**

**I. Các cơ quan dinh dưỡng**

**1. Tiêu hóa**

- Hệ tiêu hóa gồm ống tiêu hóa và tuyến tiêu hóa

- Ống tiêu hóa phân hóa, chuyên hóa về chức năng

- Tốc độ tiêu hóa cao

**2. Tuần hoàn**

- Tim 4 ngăn, 2 vòng tuần hoàn

- Máu đỏ tươi đi nuôi cơ thể

**3. Hô hấp**

- Phổi có mạng ống khí

- Một số ống khí thông với túi khí  bề mặt TĐ khí lớn

- TĐ khí:

 Khi bay: do túi khí

 Khi đậu: do phổi

**4. Bài tiết và sinh dục**

- Bài tiết:

+ Thận sau

+ Không có bóng đái

+ Nước tiểu thải ra ngoài cùng phân

- Sinh dục:

+ Con đực: 1 đôi tinh hoàn

+ Con cái: buống trứng trái phát triển

+ Thụ tinh trong

**II. Thần kinh và giác quan**

- Bộ não phát triển:

+ Não trước lớn

+ Tiểu não có nhiều nếp nhăn

+ Não giữa có 2 thùy thị giác

- Giác quan:

+ Mắt tinh, có mi thứ 3 rất mỏng

+ Tai có ống tai ngoài, chưa có vành tai

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Trình bày đặc điểm hô hấp của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay?
2. Hoàn thành bảng so sánh cấu tạo trong của chim bồ câu với thằn lằn ?

**BÀI 44:** **ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG**

**CỦA LỚP CHIM**

**I. Các nhóm chim**

Lớp chim rất đa dạng về số lượng loài: khoảng 9600 loài

Chia làm 3 nhóm:

+ Nhóm chim chạy

+ Nhóm chim bơi

+ Nhóm chim bay

**1. Nhóm chim chạy**

- Đời sống: chim hoàn toàn không biết bay, thích nghi với tập tính chạy nhanh trên thảo nguyên và hoang mạc khô nóng

- Đặc điểm cấu tạo: Cánh ngắn yếu. Chân cao, to, khỏe, có 2 hoặc 3 ngón

- Đại diện: Đà điểu Phi, đà điểu Mĩ.

**2. Nhóm chim bơi**

- Đời sống: chim hoàn toàn không biết bay, đi lại vụng về, song thích nghi cao với đời sống bơi lội trong biển

- Đặc điểm cấu tạo: Bộ xương cánh dài, khỏe, có lông nhỏ, ngắn và dày, không thấm nước. Chim có dáng đứng thẳng. Chân ngắn, 4 ngón, có màng bơi

- Đại diện: Chim cánh cụt

**3. Nhóm chim bay**

-Đời sống: Gồm hầu hết các loài chim hiện nay, chúng có mức độ bay khác nhau. Thích nghi với những lối sống đặc biệt như bơi lội, ăn thịt

- Đặc điểm cấu tạo: cánh phát triển, chân có 4 ngón.

- Đại diện: công, gà,…

**II. Đặc điểm chung của chim**

- Mình có lông vũ bao phủ.

- Chi trước biến đổi thành cánh.

- Có mỏ sừng.

- Phổi có mang ống khí, có túi khí tham gia vào hô hấp.

- Tim 4 ngăn, máu đỏ tươi nuôi cơ thể🡪 là động vật hằng nhiệt.

- Trứng có vỏ đá vôi, được ấp nở ra thành con nhờ thân nhiệt của bố, mẹ.

**III. Vai trò của chim**

**1. Lợi ích:**

- Chăn nuôi để lấy thịt, trứng, lông.

 - Tiêu diệt sâu bọ, gặm nhấm có hại.

 - Phục vụ du lịch, làm cảnh, giải trí.

 - Huấn luyện làm chim săn.

 - Giúp thụ phấn cho hoa và phát tán hạt.

**2. Tác hại:**

- Ăn quả , hạt, cá..

- Là động vật trung gian truyền bệnh

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Lớp chim được biết khoảng bao nhiêu loài và xếp trong mấy bộ?
2. Người ta chăn nuôi một số giống chim nhằm mục đích gì**?**
3. Nêu lợi ích và tác hại của chim trong tự nhiên và trong đời sống con người?

**Bài 45: THỰC HÀNH**

**XEM BĂNG HÌNH VỀ ĐỜI SỐNG VÀ TẬP TÍNH CHIM**

**(Học sinh tự thực hiện)**

**LỚP THÚ**

**BÀI 46: THỎ**

**I. Đời sống**

**\* Đời sống:**

- Ưa sống ở ven rừng, có tập tính đào hang, lẩn trốn kẻ thù bằng cách nhảy cả 2 chân sau

- Ăn cỏ, lá cây bằng cách gặm nhấm

- Kiếm ăn về buổi chiều và ban đêm

- Là đv hằng nhiệt

**\* Sinh sản:**

- Thụ tinh trong, đẻ con

- Thai phát triển trong tử cung của thỏ mẹ

- Có nhau thai  hiện tượng thai sinh

- Con non yếu, được nuôi bằng sữa mẹ

**II. Cấu tạo ngoài và di chuyển**

1. **Cấu tạo ngoài**

- Bộ lông mao dày , xốp che chở và giữ nhiệt cho cơ thể giúp thỏ an toàn khi lẫn trốn trong bụi rậm .

- Chi trước ngắn dùng để đào hang .

- Chi sau dài khỏe , bật nhảy xa giúp thỏ chạy nhanh khi bị săn đuổi .

- Mũi rất thính , cạnh mũi ở hai bên môi có những lông xúc giác giúp thăm dò thức ăn , môi trường và phát hiện kẻ thù .

- Tai thính , có vành tai lớn , dài cử động được theo các phía giúp định hướng âm thanh , phát hiện sớm kẻ thù .

**2. Di chuyển**

- Thỏ di chuyển bằng cách nhảy đồng thời 2 chân sau

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Nêu đặc điểm đời sống của thỏ ?
2. Hiện tượng thai sinh tiến hóa hơn so với đẻ trứng và noãn thai sinh như thế nào?

**BÀI 47:** **CẤU TẠO TRONG CỦA THỎ**

**(Học sinh tự đọc)**

**I. Bộ xương và hệ cơ**

**1. Bộ xương**

- Bộ xương gồm nhiều xương khớp với nhau để nâng đỡ, bảo vệ và giúp cơ thể vận động

**2. Hệ cơ**

- Cơ vận động cột sống phát triển

- Cơ hoành tham gia vào hoạt động hô hấp

**II. Các cơ quan dinh dưỡng**

**1 Tiêu hóa**

- Gồm miệng , thực quản , dạ dày , ruột non , manh tràng , ruột già , gan , tụy .

- Miệng có răng cửa cong sắc , thường xuyên mọc dài , răng hàm kiểu nghiền .

- Ruột dài với manh tràng ( ruột tịt ) là nơi tiêu hóa xenlulo .

**2 Tuần hoàn - hô hấp**

- Hệ tuần hoàn : tim 4 ngăn , 2 vòng tuần hoàn , máu nuôi cơ thể là máu đỏ tươi bảo đảm bảo sự trao đổi chất mạnh . Thỏ là động vật hằng nhiệt

- Hệ hố hấp : gồm khí quản , phế quản , phổi . Phổi có nhiều phế nang có mạng mao mạch dày đặc bao quanh đảm bảo trao đổi khí dễ dàng . Sự thông khí được thực hiện nhờ cơ liên sườn và cơ hoành .

**3 Hệ bài tiết :**

 Thận sau có cấu tạo tiến bộ nhất .

**III. Thần kinh và giác quan**

- Bộ não thỏ phát triển hơn hẳn các lớp đv khác:

+ Đại não phát triển che lấp các phần khác

+ Tiểu não lớn, nhiều nếp gấp  liên quan tới các cử động phức tạp

- Giác quan phát triển

**Câu hỏi ôn tập :**

1. Hệ cơ của thỏ có đặc điểm nào liên quan đến sự vận động?
2. Hệ cơ của thỏ tiến hóa hơn các lớp đv trước ở những điểm nào?

**BÀI 48:** **ĐA DẠNG CỦA LỚP THÚBỘ THÚ HUYỆT , BỘ THÚ TÚI**

**I. Sự đa dạng của lớp thú**

- Lớp thú có số lượng loài rất lớn (4600 loài), sống ở khắp nơi

 **-** Lớp thú : gồm

+ Thú đẻ trứng: Bộ thú huyệt

+ Thú đẻ con : + Bộ thú túi

+ Thú có nhau: Các bộ thú còn lại

**II. Bộ thú huyệt, bộ thú túi**

**I. Bộ thú huyệt**

Thú mỏ vịt sống ở nước ngọt, chi có màng bơi, chúng có thể đi trên cạn hoặc bơi trong nước. Thú cái có tuyến sữa nhưng chưa có vú, đẻ trứng. Thú mỏ vịt con ép mỏ vào bụng thú mẹ cho sữa chảy ra, sau đó chúng liếm lông, lấy sữa vào mỏ hoặc bơi theo mẹ uống sữa hòa tan trong nước.

**II. Bộ thú túi.**

Sống ở đồng cỏ,chi sau lớn, khỏe. Di chuyển bằng cách nhảy. Thú cái vú có tuyến sữa. Đẻ con, con sơ sinh rất nhỏ ( dài 3cm) không thể tự bú mẹ, sống trong túi da ở bụng thú mẹ.

Cách cho con bú: Thú con ngoặm chặt lấy vú, vú tiết ra sữa và tự động chảy vào miệng thú con

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Sự đa dạng của lớp thú thể hiện ở đặc điểm nào?
2. Người ta phân chia lớp thú dựa trên đặc điểm cơ bản nào?
3. Tại sao thú mỏ vịt đẻ trứng mà được xếp vào lớp thú?
4. Kanguru có cấu tạo như thế nào phù hợp với lối sống chạy nhảy trên đồng cỏ?

**BÀI 49:** **ĐA DẠNG CỦA LỚP THÚ (tt)**

**BỘ DƠI VÀ BỘ CÁ VOI**

**I. Bộ dơi**

- Chi trước biến đổi thành cánh da

- Thân ngắn và hẹp

- Chân yếu, có tư thế bám vào cành cây treo ngược cơ thể

- Răng nhọn, sắc, phá vỡ vỏ cứng của sâu bọ

- Đuôi ngắn

**II. Bộ cá voi**

- Cơ thể hình thoi, cổ rất ngắn không phân biệt với thân

- Lớp mỡ dưới da rất dày

- Chi trước biến đổi thành vây bơi có dạng bơi chèo, chi sau tiêu biến

- Vây đuôi nằm ngang

- Bơi bằng cách uốn mình theo chiều dọc

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Dơi có đặc điểm cấu tạo nào thích nghi với đời sống bay lượn?
2. Đặc điểm cấu tạo của cá voi thích nghi với đời sống trong nước ?

**BÀI 50:** **ĐA DẠNG CỦA LỚP THÚ (tt)**

**BỘ ĂN SÂU BỌ, BỘ GẶM NHẤM , BỘ ĂN THỊT**

**I. Bộ ăn sâu bọ**

- Đại diện: chuột chù, chuột chũi

- Đặc điểm cấu tạo:

+ Mõm dài, răng nhọn, răng hàm cũng có 3, 4 mấu nhọn

+ Có lông xúc giác

+ Chân trước ngắn, bàn rộng, ngón tay to, khỏe  đào hang

**II. Bộ gặm nhấm**

- Đại diện: chuột đồng, sóc, nhím.

- Đặc điểm cấu tạo:

+ Răng cửa lớn, sắc, luôn mọc dài

+ Thiếu răng nanh

+ Có khoảng trống hàm

**III. Bộ ăn thịt**

- Đại diện: Mèo, hổ, báo, chó sói, gấu, ...

- Đặc điểm cấu tạo:

+ Răng cửa ngắn, sắc

+ Răng nanh lớn, dài, nhọn

+ Răng hàm có nhiều mấu dẹp sắc

+ Ngón chân có vuốt cong, dưới có đệm thịt dày  bước đi rất êm

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Để thích nghi với chế độ ăn sâu bọ những đại diện trên có những đặc điểm cấu tạo ntn ?
2. Bộ Gặm nhấm có đặc điểm cấu tạo răng như thế nào để thích nghi với cách gặm nhấm thức ăn ?
3. Bộ ăn thịt có những đặc điểm cấu tạo ngoài như thế nào để thích nghi với chế độ ăn thịt ?

**BÀI 51:** **ĐA DẠNG CỦA LỚP THÚ (tt)**

**CÁC BỘ MÓNG GUỐC VÀ BỘ LINH TRƯỞNG**

**I. Bộ linh trưởng**

- Đi bằng bàn chân

- Bàn tay, bàn chân có 5 ngón

- Ngón cái đối diện với những ngón còn lại  thích nghi với sự cầm nắm và leo trèo

- Ăn tạp

**III. Vai trò của thú**

- Cung cấp thực phẩm, sức kéo : Trâu, bò, lợn

- Nguồn dược liệu quý: sừng, nhung hươu, xương hổ, gấu, hươu nai, mật gấu

- Nguyên liệu làm đồ mĩ nghệ : da, lông hổ báo, ngà voi, sừng tê giác, ..., xạ hương

- Tiêu diệt gặm nhấm có hại: chồn, cầy, mèo rừng

- Vật liệu thí nghiệm: chuột nhắt, chuột lang, khỉ , ...

**IV. Đặc điểm chung của thú**

Là ĐVCXS có tổ chức cao nhất:

- Có hiện tượng thai sinh và nuôi con bằng sữa

- Có lông mao.

- Bộ răng phân hóa thành răng cửa, răng nanh, răng hàm

- Tim 4 ngăn.

- Bộ não phát triển thể hiện rõ ở bán cầu não và tiểu não

- Là đv hằng nhiệt

**Câu hỏi ôn tâp:**

1. Thú có vai trò gì trong đời sống con người ? cho ví dụ ?
2. Vì sao số lượng thú trong tự nhiên bị suy giảm?
3. Nêu đặc điểm chung của thú ?

**CHƯƠNG VII : SỰ TIẾN HÓA CỦA ĐỘNG VẬT**

**BÀI 54:** **TIẾN HÓA VỀ TỔ CHỨC CƠ THỂ**

**(Học sinh tự đọc)**

**I. So sánh 1 số hệ cơ quan**

1/ Sự tiến hóa về hệ hô hấp

Từ chỗ hô hấp chưa phân hóa , động vật sống trong nước thở bằng màng bọc (ĐVNS ) hoặc bằng da ( ruột khoang , giun đốt ), đến chỗ hình thành thêm phổi song chưa hoàn chỉnh và da vẫn tồn tại ( lưỡng cư vừa thở bằng da và phổi )

**I. So sánh 1 số hệ cơ quan**

1/ Sự tiến hóa về hệ hô hấp

Từ chỗ hô hấp chưa phân hóa , động vật sống trong nước thở bằng màng bọc (ĐVNS ) hoặc bằng da ( ruột khoang , giun đốt ), đến chỗ hình thành thêm phổi song chưa hoàn chỉnh và da vẫn tồn tại ( lưỡng cư vừa thở bằng da và phổi ) đến chỗ hình thành hệ ống khí ( chân khớp ) hoặc hình thành phổi ( Bò sát ) , hình thành phổi và túi khí ( chim ) .

 2 /Sự tiến hóa về hệ tuần hoàn

Từ chỗ hệ tuần hoàn chưa được phân hóa (ĐVNS , ruột khoang ) , đến chỗ hệ tuần hoàn được hình thành , tim chưa phân hóa thành tâm nhĩ và tâm thất ( giun đốt , chân khớp ) , đến chỗ tim đã phân hóa thành tâm nhĩ và tâm thất

( ĐVCXS ) .

3/ Sự tiến hóa hệ thần kinh

Từ chỗ hệ thần kinh chưa phân hóa (ĐVNS ) đến hệ thần kinh hình mạng lưới ( ruột khoang ) tới chỗ hình chuỗi hạch với hạch não , hạch dưới hầu , chuỗi hạch bụng ( Giun đốt ) đến hình chuỗi với hạch não lớn , hạch dưới hầu chuỗi hạch ngực và bụng ( chân khớp ) hoặc hệ thần kinh ống với bộ não và tủy sống (ĐVCXS )

4 Sự tiến hóa hệ sinh dục

Từ chỗ hệ sinh dục chưa được phân hóa (ĐVNS) đến chỗ được phân hóa song , chưa có ống sinh dục ( ruột khoang ) đến chỗ có ống dẫn sinh dục ( giun đốt , chân khớp , ĐVCXS )

**II. Sự phức tạp hóa tổ chức cơ thể**

- Sự phức tạp hóa tổ chức cơ thể của các lớp đv thể hiện ở sự phân hóa về cấu tạo và chuyên hóa về chức năng

Câu hỏi ôn tập:

1. Sự phức tạp hóa tổ chức cơ thể ở động vật có ý nghĩa gì?

**BÀI 55:** **TIẾN HÓA VỀ SINH SẢN**

**I. Sinh sản vô tính**

- Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản không có tb sinh dục đực và tb sinh dục cái kết hợp với nhau

- Hình thức sinh sản: Phân đôi cơ thể, mọc chồi

**II. Sinh sản hữu tính**

- Sinh sản hữu tính là hình thức sinh sản có sự kết hợp giữa tb sinh dục đực và tb sinh dục cái

- Sinh sản hữu tính ưu việt hơn sinh sản vô tính

**III. Sự tiến hóa các hình thức sinh sản hữu tính**

- Thụ tinh ngoài  thụ tinh trong

- Đẻ nhiều trứng  đẻ ít trứng  đẻ con

- Phôi phát triển có biến thái  phát triển trực tiếp không nhau thai  phát triển trực tiếp có nhau thai

- Con non không được nuôi dưỡng  được nuôi dưỡng bằng sữa mẹ  được học tập thích nghi với cuộc sống

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Hãy kể các hình thức sinh sản ở động vật và phân biệt các hình thức sinh sản đó?
2. Sự hoàn chỉnh dần các hình thức sinh sản hữu tính thể hiện như thế nào?

**Bài 56: CÂY PHÁT SINH GIỚI ĐỘNG VẬT**

**1/ Bằng chứng về mối quan hệ giữa các nhóm động vật**

- Di tích hoá thạch của các động vật cổ có nhiều đặc điểm giống động vật ngày nay.

- Những loài động vật mới được hình thành có đặc điểm giống tổ tiên của chúng.

**2/ Cây phát sinh giới động vật.**

Cây phát sinh động vật phản ánh quan hệ họ hàng giữa các loài sinh vật.

- Khi một nhóm động vật mới hình thành sẽ có cấu tạo thường xuyên thay đổi cho phù hợp với môi trường sống và dần dần thích nghi. Ngày nay do khí hậu ổn định, mỗi loài tồn tại có cấu tạo thích nghi riêng với môi trường.

**Câu hỏi ôn tập**

1. Ngành chân khớp có quan hệ họ hàng với ngành nào?
2. Chim và thú có quan hệ với nhóm nào?

**BÀI 57&58: ĐA DẠNG SINH HỌC**

- Sự đa sinh học biểu thị bằng số lượng loài.

- Sự đa dạng sinh học thể hiện bằng sự đa dạng về đặc điểm hình thái và tập tính của từng loài.

- Sự đa dạng loài là do khả năng thích nghi của ĐV với điều kiện sống khác nhau.

**1. Đa dạng sinh học của động vật ở môi trường đới lạnh.**

- Khí hậu lạnh, băng đóng quanh năm, mùa hạ rất ngắn.

- Cây cối thưa thớt, thấp lùn.

- Bộ lông rậm và lớp mỡ dưới da rất dày để giữ nhiệt cho cơ thể và dự trữ năng lượng chống rét.

- Ví dụ: Gấu trắng, chim cánh cụt, hải cẩu…

**II. Đa dạng sinh học của động vật ở môi trường hoang mạc đới nóng:**

- Khí hậu: nóng và khô, nước rất hiếm, phân bố rải rác và rất xa nhau.

- Thực vật thấp, nhỏ, xơ xác.

- Chuột nhảy: chân dài, mảnh; lạc đà: chân cao, móng rộng, đệm thịt dày, nhiều loài có bộ lông màu nhạt giống màu cát…

Ví dụ: Lạc đà, chuột nhảy, rắn…

**III. Đa dạng sinh học ở môi trường nhiệt đới gió mùa:**

- Sự đa dạng sinh học của động vật ở mội trường nhiệt đới gió mùa rất phong phú.

- Số lượng loài nhiều do chúng thích nghi với điều kiện sống

**IV. Những lợi ích của đa dạng sinh học:**

+ Cung cấp thực phẩm: nguồn dinh dưỡng chủ yếu của con người.

+ Dược phẩm: Một số bộ phận của động vật làm thuốc có giá trị: xương, mật,…

+ Trong nông nghiệp: cung cấp phân bón, sức kéo.

+ Giá trị khác: làm cảnh, đồ kỹ nghệ, làm giống,..

**V. Nguy cơ suy giảm đa dạng sinh học và việc bảo vệ đa dạng sinh học:**

Để bảo vệ đa dạng sinh học cần:

+ Nghiêm cấm khai thác rừng bừa bãi.

+ Thuần hoá, lai tạo giống để tăng độ đa dạng sinh học và độ đa dạng về loài.

+ Giáo dục, tuyên truyền bảo vệ động vật, cấm săn bắn, chống ô nhiễm.

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm đa dạng sinh học ở Việt Nam và thế giới?
2. Chúng ta cần có những biện pháp nào để bảo vệ đa dạng sinh học?

**BÀI 59: BIỆN PHÁP ĐẤU TRANH SINH HỌC**

**I. Thế nào là biện pháp đấu tranh sinh học**

Đấu tranh sinh học là biện pháp sử dụng sinh vật hoặc sản phẩm của chúng nhằm ngăn chặn hoặc giảm bớt thịêt hại do các sinh vật gây hại gây ra.

**II. Những biện pháp đấu tranh sinh học:**

Có 3 biện pháp đấu tranh sinh học.

1. Sử dụng thiên địch.

2. Sử dụng vi khuẩn gây bệnh truyền nhiễm cho sinh vật gây hại.

3. Gây vô sinh diệt động vật gây hại.

**III. Những ưu điểm và hạn chế của biện pháp đấu tranh sinh học:**

- Ưu điểm của biện pháp đấu tranh sinh học:

+ Tiêu diệt nhiều sinh vật gây hại.

+ Tránh ô nhiễm môi trường.

+ Không ảnh hưởng xấu tới sinh vật có ích và sức khỏe của con người.

+ Tránh hiện tượng quen thuốc, giá thành thấp.

- Nhược điểm:

+ Đấu tranh sinh học chỉ có hiệu quả ở nơi có khí hậu ổn định.

+ Thiên địch không tiêu diệt triệt để được sinh vật gây hại mà chỉ kìm hãm sự phát triển của chúng.

+ Sự tiêu diệt loài sinh vật có hại này lại tạo điều kiện cho sinh vật khác phát triển. Một loài thiên địch vừa có thể có ích vừa có thể có hại.

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Nêu những biện pháp đấu tranh sinh học?
2. Nêu những ưu điểm và hạn chế của biện pháp đấu tranh sinh học? Cho ví dụ?

**BÀI 60: ĐỘNG VẬT QUÝ HIẾM**

**(Học sinh tự đọc)**

**I. Thế nào là động vật quý hiếm?**

 Động vật quý hiếm là động những động vật có giá trị nhiều mặt và đang có số lượng giảm sút trong tự nhiên.

**II. Ví dụ minh họa cấp độ tuyệt chủng của động vật quý hiếm ở Việt Nam**

Cấp độ tuyệt chủng động vật quý hiếm ở Việt Nam được biểu thị:

- Rất nguy cấp (CR): Số lượng cá thể giảm 80%

Ví dụ: Ốc xà cừ, hươu xạ,…

- Nguy cấp (EN): Số lượng cá thể giảm 50%

Ví dụ: Tôm hùm, rùa núi vàng,…

- Sẽ nguy cấp (VU): Số lượng cá thể giảm 20%

Ví dụ: Cà cuống, cá ngựa gai,…

- Ít nguy cấp (LR): Được nuôi hoặc bảo tồn.

Ví dụ: Khỉ vàng, gà lôi trắng, sóc đỏ, khướu đầu đen,…

**III. Bảo vệ động vật quý hiếm:**

- Bảo vệ môi trường sống.

- Cấm săn bắn, buôn bán, giữ trái phép.

- Chăn nuôi, chăm sóc đầy đủ.

- Xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên

**Câu hỏi ôn tập:**

1. Thế nào là động vật quý hiếm?
2. Nêu các biện pháp bảo vệ động vật quý hiếm?

**BÀI 61, 62: TÌM HIỂU MỘT SỐ ĐỘNG VẬT**

**CÓ TẦM QUAN TRỌNG TRONG KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG**

**(Học sinh tự thực hiện)**

**1. Tìm hiểu và thống kê một số ĐV có tầm quan trọng kinh tế ở địa phương và các loài ĐV được nuôi trồng ở địa phương.**

- Kể tên được một số ĐV có tầm quan trọng kinh tế ở địa phương.

- Kể một số loài ĐV được nuôi trồng ở địa phương.

- Tìm hiểu về loài lợn và gia cầm……..